

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non**  
**Học kỳ II năm học 2023- 2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi $64/64=100\%$ .	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi 98.7%. - Trẻ SDD thể nhẹ cân dưới 1.3%. - Trẻ SDD thể thấp còi và thấp còi dưới 0.7%.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình Giáo dục nhà trẻ	Chương trình Giáo dục mẫu giáo
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<p>Nhằm giúp trẻ từ 18 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội và thẩm mỹ.</p> <p><b>1. Về phát triển thể chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi.</li><li>- Thực hiện được các vận động theo độ tuổi.</li><li>- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.</li><li>- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.</li></ul> <p><b>2. Về phát triển nhận</b></p>	<p>Giúp trẻ em từ 3-6 tuổi PT hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm XH và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.</p> <p><b>1. Về phát triển thể chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</li><li>- Thực hiện được các vận động cơ bản vững vàng, đúng tư thế.</li><li>- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, biết định hướng trong không gian.</li><li>- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.</li><li>- Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe.</li></ul>

**thức:**

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

- Có sự nhạy cảm của các giác quan.

- Có khả năng quan sát, nhận xét ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự việc, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

**3. Về phát triển ngôn ngữ:**

- Nghe, hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

- Biết cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

- Tự tin, lễ phép trong lời nói.

**4. Về phát triển thẩm mỹ và tình cảm - xã hội:**

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc: thích vẽ, xếp hình...

- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong việc ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo an toàn cho bản thân.

**2. Về phát triển nhận thức:**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

**3. Về phát triển ngôn ngữ:**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt, rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

**4. Về phát triển tình cảm - xã hội:**

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ...

- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp MN...

			<p><b>5. Về phát triển thẩm mỹ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.</li> <li>- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.</li> <li>- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.</li> </ul>
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường đã phân tách trẻ học theo đúng độ tuổi, các phòng học sạch sẽ, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, đảm bảo vệ sinh môi trường và vệ sinh cá nhân cho trẻ. Đảm bảo đủ đồ dùng trang thiết bị tối thiểu theo VBHN số 01 quy định về đồ dùng đồ chơi cho trẻ MN.</li> <li>- Đồ dùng đồ chơi ngoài trời, sân chơi sạch sẽ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường đã phân tách trẻ học theo đúng độ tuổi, các phòng học sạch sẽ, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, đảm bảo vệ sinh môi trường và vệ sinh cá nhân cho trẻ. Đảm bảo đủ đồ dùng trang thiết bị tối thiểu theo VBHN số 01 quy định về đồ dùng đồ chơi cho trẻ MN.</li> <li>- Đồ dùng đồ chơi ngoài trời, sân chơi sạch sẽ</li> </ul>

Ngọc Sơn, ngày 30 tháng 5 năm 2024



**Thủ trưởng đơn vị**

**Nguyễn Thị Hương**

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế học kỳ II năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
<b>I</b>	<b>Tổng số trẻ em</b>	<b>362</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>64</b>	<b>117</b>	<b>83</b>	<b>98</b>
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	362	0	0	64	117	83	98
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0					0	
<b>II</b>	<b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>	<b>362</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>64</b>	<b>117</b>	<b>83</b>	<b>98</b>
<b>III</b>	<b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>	<b>362</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>64</b>	<b>117</b>	<b>83</b>	<b>98</b>
<b>IV</b>	<b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b>	<b>362</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>64</b>	<b>117</b>	<b>83</b>	<b>98</b>
<b>V</b>	<b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>	<b>362</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>64</b>	<b>117</b>	<b>83</b>	<b>98</b>
1	Số trẻ cân nặng bình thường	360	0	0	64	115	83	97
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	2			0	1	1	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	362	0	0	64	117	82	98
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	2			0	1	1	0

5	Số trẻ thừa cân béo phì	2			0	1	0	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	64			64			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	298				117	83	98

Ngọc Sơn, ngày 30 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Hương

**THÔNG BÁO**  
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non  
Học kỳ II năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	16	Số m <sup>2</sup> /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	16	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m <sup>2</sup> )	4570	13
V	Tổng diện tích sân chơi (m <sup>2</sup> )		
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	864	2.5
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	192	0.55
4	Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )	424	1.2
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )	0	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )	68	0.19
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	16	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	18	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang	16	

	được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)					
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	1	Số thiết bị/nhóm (lớp)			
		Số lượng (m <sup>2</sup> )				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		16	0.55	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		
					Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				x	
XIV	Kết nối internet				x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục				x	
XVI	Tường rào xây				x	

Ngọc Sơn, ngày 30 tháng 5 năm 2024

Chủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Hương

### THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non học kỳ II

năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37			30	6	1		1	29	5				
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>														
1	Nhà trẻ	8			5	2	1			6	1	1	6		
2	Mẫu giáo	24			20	4	0			23	1	4	19		
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	3			3						3				
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>														
1	Nhân viên văn thư	1				1			1						
2	Nhân viên kế toán	1			1				1						
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	6						6							

Ngọc Sơn, ngày 30 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hương